

Bạn nghĩ là châu Á sẽ thống trị thế kỷ XXI? Hãy suy nghĩ lại^(*)

DOV. S. ZAKHEIM, **Think Asia Will Dominate the 21st Century? Think Again**, <http://nationalinterest.org/feature/think-asia-will-dominate-the-21st-century-think-again-19429?page=show>

Hà Lan dịch

Michael R. Auslin mở đầu cuốn sách của mình với lời tựa “Châu Á không ai nhìn thấy”. Nếu tốt hơn ông ấy đã có thể đặt một cái tit là “Ấn náu giữa tầm nhìn sáng rõ”. Trong khoảng thời gian rất dài, đặc biệt là trong những năm ông B. Obama làm tổng thống, các nhà hoạch định chính sách Mỹ đã tập trung chú ý vào sự tăng trưởng kinh tế nổi bật của châu Á, đi đôi với thời đại tương đối hòa bình. Họ đã quá thường xuyên bỏ qua những căng thẳng về kinh tế, nhân khẩu học, xã hội, chính trị và quân sự, những điều không khó nhìn thấy sau ánh hào quang của châu Á.

Barack Obama, người đã có một số năm thời niên thiếu sống ở Indonesia, là người dẫn đầu khởi xướng cho khái niệm Thế kỷ châu Á. Ông dường như ít quan

tâm tới châu Âu và cố né tránh những rắc rối của Trung Đông càng nhiều càng tốt. Ông ủng hộ khái niệm về một châu Á đang nổi lên, là nơi sẽ sớm làm thành những lợi ích quan trọng nhất của Hoa Kỳ. Cũng với tinh thần đó, bà Hillary Clinton đã công bố “xoay trục sang châu Á”, điều này có nghĩa là Mỹ sẽ tái tập trung sức mạnh quân sự cùng các ưu tiên chính trị và kinh tế rời khỏi châu Âu và Trung Đông, thay vào đó là nhấn mạnh tầm quan trọng của châu Á đối với Hoa Kỳ.

Tất nhiên, Trung Đông đối với Mỹ cũng quan trọng như là châu Á; 5 nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ cũng vậy; Afghanistan cũng thế. Nhưng khi ông B. Obama và bà H. Clinton nói đến châu Á, họ thường có ý nói đến Đông Á, mặc dù thỉnh thoảng họ mở rộng định nghĩa của mình bao gồm cả Nam Á, sử dụng thuật ngữ “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, nhưng trọng tâm chủ yếu là Đông và Đông Nam Á, và đặc biệt là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và 5 trong số 8 quốc gia ASEAN - Indonesia, Malaysia, Singapore, Việt Nam và Thailand. Những nước này, thêm cả Ấn Độ, tạo thành nhóm các cường quốc kinh tế ở châu Á (Brunei

^(*) Bài viết giới thiệu cuốn sách của M.R. Auslin (2017), *The End of the Asian Century: War, Stagnation, and the Risks to the World's Most Dynamic Region*, Yale University Press, New Haven, 304 trang, do Dov S. Zakheim - Phó Chủ tịch Trung tâm Lợi ích Quốc gia (ông từng là Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ - Trưởng ban Ban Tài chính, từ năm 2001 đến 2004; và Phó Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng - phụ trách lập kế hoạch và nguồn lực, từ năm 1985 đến năm 1987), thực hiện.

là quốc gia giàu dầu mỏ có nhiều điểm chung về kinh tế với các quốc gia Vùng vịnh Ả-rập hơn so với các đối tác ASEAN). Lào, Campuchia và Myanmar tụt xa phía sau về mặt phát triển chính trị và kinh tế. Tương tự, Auslin quan tâm đến những nước này ít hơn so với các đối tác ASEAN tiên tiến hơn, mặc dù chính quyền dưới thời Tổng thống B. Obama vốn luôn nhất quán với chính sách tiếp cận kẻ thù và các đối tượng khác chịu lệnh trừng phạt kéo dài của Hoa Kỳ, đã chuyển động nhanh chóng để cải thiện quan hệ với Myanmar khi “Mùa xuân ở Myanmar” nở rộ vào năm 2010.

Auslin đặt những câu hỏi mà ông gọi là “câu hỏi không dễ chịu”, chẳng hạn như: “Các quốc gia châu Á đã phục hồi như thế nào trước những cú sốc kinh tế? Những lĩnh vực kinh tế hàng đầu và chính sách của chính phủ thích ứng như thế nào?”. Tất nhiên, câu trả lời phụ thuộc vào quốc gia liên quan. Nhưng Auslin thừa nhận một cách đúng đắn rằng những vấn đề này không phải là vấn đề riêng cho bất kỳ một quốc gia nào trong khu vực mà là vấn đề chung cho hầu như tất cả các quốc gia. Như ông đã chỉ ra, *các quốc gia châu Á, đã phát triển cũng như đang phát triển, phải đối mặt với những thách thức lớn... Nhu cầu từ các nước phương Tây có thể sẽ chững lại vì những xã hội đó đang trở nên già nua và vì thu nhập vẫn tiếp tục trì trệ... Tham nhũng, đầu tư chệch hướng và chất thải ăn mòn dần hiệu quả kinh tế.*

Như Auslin chứng minh, Trung Quốc là bản mẫu cho sự phát triển này. Kết quả thống kê kinh tế của Trung Quốc cho thấy, không có sự tin cậy hoàn toàn và kinh tế tiếp tục được điều chỉnh theo hướng giảm xuống. Tiền lương đã tăng mạnh trong thập kỷ qua; thực sự là trong một vài năm qua, mức lương tối thiểu tăng trưởng ở mức hai con số, cao nhất là 18%.

Hệ thống ngân hàng Trung Quốc vẫn khá không minh bạch, và bảng cân đối ngân hàng không đáng tin cậy, vì họ tiếp tục khoa trương giá trị tài sản của họ, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước (SOE). Hơn nữa, muốn có được nguồn tài chính ở Trung Quốc thì thường là cần phải kết nối với Bắc Kinh, điều này tiếp tục làm giảm hiệu quả của hệ thống ngân hàng. Cuối cùng, các quy định nhà nước ở cấp địa phương và cấp tỉnh thường lại gây cản trở cho tăng trưởng trong kinh doanh, trong khi tham nhũng, đặc biệt là ở những cấp này, vẫn tràn lan, bất chấp những nỗ lực không ngừng của Chủ tịch Tập Cận Bình nhằm quét sạch tham nhũng trong nước. Cuối cùng, Auslin cũng xác định rõ về tai họa mà Trung Quốc, và các nền kinh tế khác của châu Á, phải trải qua: Mỗi đe dọa kiểu mafia, hoặc tệ hơn là mỗi đe dọa đến từ các nhà đầu tư nước ngoài. Không ngạc nhiên khi các công ty đang suy tính đầu tư ở Đông Á đang ngày càng tìm kiếm nhiều hơn tại Việt Nam, Malaysia hay Indonesia, hoặc thậm chí là Philippines, chứ không phải là đặt rủi ro thu hẹp lợi nhuận ở Trung Quốc.

Các doanh nghiệp nhà nước là một gánh nặng, một nút thắt trong kinh tế của Trung Quốc, ngay cả Chủ tịch Tập Cận Bình - người được coi là “nhà lãnh đạo nòng cốt” của Trung Quốc, ngày càng gia tăng quyền lực ngay từ khi nhậm chức cũng không thể đóng cửa hầu hết các doanh nghiệp đó. Việc quản lý, sở hữu và các hoạt động tài chính của nhiều doanh nghiệp tư nhân cũng không minh bạch. Thông thường, các doanh nghiệp trên danh nghĩa tư nhân nhưng thực tế là thuộc sở hữu của Chính phủ thông qua một chuỗi các công ty cổ phần phức tạp. Điều này đặc biệt đúng đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao và hàng không vũ trụ.

Thời đại tăng trưởng kinh tế không giới hạn của Trung Quốc dường như đã qua - và sự phát triển đó vốn dĩ không giải thích cho bất cứ hành động nào mà chính quyền mới của Tổng thống D. Trump sẽ thực hiện để san bằng sân chơi thương mại Trung Quốc - Hoa Kỳ. Nếu chính quyền của Tổng thống D. Trump khởi động những bước đi với khả năng dẫn đến một cuộc chiến tranh thương mại với Bắc Kinh thì cuộc chiến đó cũng sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng cho nền kinh tế Hoa Kỳ nhưng lại tàn phá nền kinh tế của Trung Quốc. Nền tảng kinh tế của Hoa Kỳ vốn mạnh, thậm chí có thể trở nên mạnh hơn, trong khi Trung Quốc, theo ghi nhận của Auslin, vẫn chưa đạt được mức phát triển bền vững. Những thăng trầm của nền kinh tế Trung Quốc còn lâu mới kết thúc.

Không rõ là chính quyền của Tổng thống D. Trump sẽ xác định sân chơi với Nhật Bản ở mức độ nào khi tìm cách “san bằng” về mặt thương mại. Thủ tướng Shinzo Abe đã cho thấy, ông là nhà lãnh đạo nước ngoài đầu tiên có chuyến thăm Tổng thống mới đắc cử của Hoa Kỳ, và dấu ấn từ cuộc gặp mặt này là ông D. Trump đã nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của Nhật Bản với tư cách là đồng minh của Hoa Kỳ. Ông S. Abe đã đẩy lớp vỏ chính trị, quân sự và kinh tế của Nhật Bản vượt xa ra khỏi những giới hạn trước đó. Nhưng những nỗ lực kích thích nền kinh tế đã bị giảm sút trong hơn hai thập kỷ qua của ông đã đạt được những kết quả thấp hơn nhiều so với ông và các cử tri của ông dự đoán. Nhật Bản đã từng là quốc gia dẫn đầu thế giới trong vô số các ngành công nghiệp khác nhau, từ đóng tàu đến điện tử, chất bán dẫn nhưng ngày nay chỉ còn dẫn đầu trong ngành ô tô, và thậm chí sau này khi công nghệ ô tô không người lái nổi lên thì Nhật Bản cũng có thể bị mất đi vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực này.

Trong khi ông S. Abe đã mở cửa nền kinh tế ở mức độ nhất định, thì nền kinh tế Nhật Bản vẫn chỉ gắn liền với tốc độ tăng trưởng dựa vào xuất khẩu. Nhật Bản tiếp tục bảo vệ ngành viễn thông và được phẩm, thuê ít nhân công nước ngoài và lãnh đạo điều hành doanh nghiệp người nước ngoài hơn, và nhìn chung là sự e ngại về văn hóa cạnh tranh với nước ngoài mà ông S. Abe mới chỉ thành công được chút ít trong việc làm giảm nhẹ tình trạng đó. Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 giáng một cú đòn mạnh vào Nhật Bản, và thảm họa Fukushima năm 2011 còn là cú giáng mạnh hơn. Đất nước này vẫn đang phải đấu tranh để phục hồi sau hai biến cố đó.

Nhật Bản đã bắt đầu ký vào Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Khi ông D. Trump quyết định loại bỏ TPP, hoặc ít nhất là đàm phán lại về các điều khoản mà ông chắc chắn người Mỹ sẽ “có lợi hơn”, thì điều này cũng không có lợi gì cho Nhật Bản. Trong bốn ứng viên tổng thống cuối cùng của cuộc chạy đua tranh cử Tổng thống Mỹ trước đó, Bernie Sanders - ứng viên thuộc Đảng Dân chủ và Ted Cruz - ứng viên thuộc Đảng Cộng hòa, những người đã không giành được phần thắng cho đề cử tương ứng trong đảng, và Hillary Clinton và Trump, những người đã làm tất cả để phản đối việc ký kết TPP, gửi tín hiệu mạnh mẽ tới các đối tác thương mại châu Á của Hoa Kỳ rằng, họ phải đối mặt với thời kỳ kinh tế thậm chí là khó khăn hơn. Đối với Nhật Bản, đối tác thương mại lớn nhất của Hoa Kỳ trong phạm vi TPP, mà bây giờ dường như không còn tồn tại, thì không phải là tin tốt chút nào.

Auslin miễn cưỡng gạch tên Nhật Bản, như một số nhà phân tích đã từng làm: “Toàn bộ Nhật Bản được vẽ biếm họa quá dễ dàng như là quốc gia đã hết

thời”. Nhưng Auslin thừa nhận rằng, ngay cả những cải cách của ông S. Abe cũng khó lòng thay đổi được văn hóa kinh tế và lễ thói bảo hộ lâu đời của đất nước, trong khi ông bày tỏ niềm hy vọng đầy thiện ý rằng các công ty Nhật Bản sẽ dần chấp nhận mức độ rủi ro và tinh thần kinh doanh vốn là bản chất của công nghệ đột phá, điều thúc đẩy nền kinh tế năng động, ông thấy không chắc chắn về việc khi nào, và nếu, điều đó sẽ xảy ra.

Auslin xác định một cách chính xác sự tác động gây ra bởi mạng lưới các tập đoàn kinh doanh (chaebol) lên nền kinh tế Hàn Quốc. Trong khi ngành chế tạo của Seoul đã đẩy nền kinh tế lên vị trí dẫn đầu thế giới trong ngành đóng tàu (đã vượt qua Nhật Bản), ti vi màn hình phẳng và các sản phẩm khác, thì quy mô và bảo hộ của Chính phủ dành cho chaebol đã chặn các doanh nghiệp nhỏ hơn tham gia thị trường của Hàn Quốc theo bất kỳ cách thức có ý nghĩa nào. Hơn nữa, chaebol thường xuyên bị cáo buộc là nhận hối lộ và mua chuộc ảnh hưởng chính trị. Theo Auslin, “một yếu tố rủi ro khác trong hệ thống của Hàn Quốc... là những tập đoàn khổng lồ như Samsung trở nên càng lớn hơn và quan trọng hơn đối với nền kinh tế, việc các tập đoàn đó không đặt cược xấu càng trở nên quan trọng hơn”.

Có lẽ Auslin không dự đoán được ông đúng được bao nhiêu, bởi Samsung đã đặt cược khủng khiếp. Ngay cả khi cuốn sách của ông sắp được phát hành, thì Hàn Quốc lại chìm ngập trong vụ bê bối lớn nhất trong lịch sử mà Samsung là trung tâm của vụ bê bối đó. Các luận tội Tổng thống Park Geun-hye và lệnh bắt giữ Phó Chủ tịch của Samsung Lee Jae-yong về cáo buộc hối lộ tổng thống (Lee Jae-yong đã được phóng thích sau đó vì thiếu chứng cứ. Lee Jae-yong là con trai của Chủ tịch của Samsung Lee Kun-hee, người đã bị

kết tội hối lộ hai lần), sự kiện này càng nhấn rõ tác động nguy hại của chaebol và bản chất không cân bằng và đầy khiếm khuyết của nền kinh tế Hàn Quốc. Đường như vẫn chưa đủ, điện thoại thông minh Galaxy S7 của Samsung đã cho thấy mối nguy hỏa hoạn đúng theo nghĩa đen; các hãng hàng không cấm hành khách không được sử dụng Galaxy S7 trên máy bay. Samsung đang tung ra Galaxy S8; dù Samsung, và hệ thống chaebol, sẽ vẫn ổn, không bị ảnh hưởng nhiều bởi vụ bê bối hối lộ, như đã từng trong quá khứ, thì đây lại là vấn đề hoàn toàn khác.

Auslin có phần lạc quan hơn về nền kinh tế nhỏ hơn tuy là đang phát triển của Đông Nam Á - Việt Nam. Nhắc lại chuyến đi khắp Hà Nội bằng xe tay ga - cuốn sách chứa nhiều họa tiết cá nhân làm sinh động những phân tích khô khan - ông ca ngợi một Việt Nam năng động, tương phản rõ ràng với một Nhật Bản trì trệ. Không giống như Nhật Bản, Việt Nam có dân số trẻ; đường bờ biển dài tạo tiềm năng trở thành trung tâm logistics của khu vực; xe hơi tiếp tục thay thế xe đạp, một dấu hiệu chắc chắn của tăng trưởng kinh tế đang lên cùng với mức sống. Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài tiếp tục tăng, một phần là do sự hấp dẫn của Trung Quốc đang giảm sút đối với các nhà đầu tư.

Nhưng theo Auslin, Việt Nam có vấn đề về cơ cấu vốn tích tụ bên trong, điều không thể mất đi một sớm một chiều. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, như ở Trung Quốc, là phương thức gây bất lợi về mặt kinh tế nghiêm trọng. Tương tự như Trung Quốc, Việt Nam có hành trang riêng của mình, đó là các doanh nghiệp nhà nước - cũng thiếu sự minh bạch và có thống kê rất đáng ngờ. Chiến lược kinh tế dựa vào xuất khẩu làm cho nền kinh tế dễ bị trì trệ về thương mại - nền kinh tế cũng sẽ bị tổn thương khi TPP không còn. Hơn nữa,

người dân Việt Nam còn chưa được đào tạo đúng mức, có nghĩa là trong khi Việt Nam có thể cung cấp lao động cho các đơn vị sản xuất kinh doanh nhưng vẫn chưa phát triển được nguồn nhân lực đủ am hiểu công nghệ - đây mới là chính chìa khóa cho tăng trưởng lâu dài ổn định trong thế kỷ XXI.

Tuy nhiên, Việt Nam có lẽ sẽ thịnh vượng hơn so với nhiều đối tác ASEAN về triển vọng kinh tế trong tương lai. Đa dạng sắc tộc và địa lý; sự phụ thuộc quá lớn vào nền kinh tế hàng hóa và nông nghiệp cùng với chủ nghĩa bảo hộ và chính sách thiếu quyết đoán của Chính phủ, những điều này đã làm suy yếu triển vọng kinh tế của Indonesia. Malaysia đã và đang dần dời khỏi vị trí của nhà sản xuất hàng hóa đơn thuần, nhưng vẫn còn có khoảng cách nhất định để dịch chuyển trong vấn đề đó; Bên cạnh đó là tình trạng căng thẳng hiện hữu lâu nay giữa thiểu số người Trung Quốc giàu có và đại đa số người Malaysia cùng các chương trình hành động tích cực của Chính phủ dành cho người Malaysia.

Auslin nói quá ít về tình hình kinh tế của Malaysia, và thậm chí còn nói ít hơn về một số các quốc gia ASEAN khác. Nền kinh tế thành công của Singapore, quốc gia năng động nhất nhóm, hầu như không được đề cập đến. Là một thành phố tự trị đa sắc tộc, Singapore có thể sẽ mãi duy trì sự suy thoái kinh tế do hậu quả của Thế chiến II. Di sản ông Lý Quang Diệu để lại tiếp tục làm tăng thêm sự kỳ diệu của nền kinh tế Singapore, điều xứng đáng có được sự quan tâm nhiều hơn từ Auslin, nếu chỉ để lý giải cho việc mô hình Singapore không thực sự áp dụng được cho các đối tác trong ASEAN.

Khi bàn luận về tương lai của châu Á, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, thì không thể bỏ qua Ấn Độ, quốc gia có tốc

độ tăng trưởng kinh tế vượt qua Trung Quốc và dân số cũng sẽ sớm tương đương với Trung Quốc. Những trung tâm kinh tế quan trọng của Ấn Độ thuộc đẳng cấp thế giới. Bangalore là trung tâm của ngành công nghiệp hàng không vũ trụ năng động. Chennai, nói theo cách của Auslin, là “Detroit” của Ấn Độ. Và Auslin thậm chí không đề cập đến Bollywood, ngành công nghiệp điện ảnh bằng tiếng Hindi nằm ở Mumbai. Các bộ phim được sản xuất ở đó được phân phối trên toàn thế giới, và đang ngày càng phát triển một cách tinh vi, mặc dù các bộ phim của Ấn Độ vẫn thường có thói quen hát và nhảy múa mà người Mỹ nhận dạng thông qua bộ phim *Slumdog Millionaire* (Triệu phú Khu ổ chuột). Ấn Độ cũng sản xuất và xuất khẩu các bộ phim không dùng tiếng Hindi và ngành công nghiệp điện ảnh cạnh tranh với Hollywood về số lượng người sử dụng và số lượng phim sản xuất.

Tuy nhiên, mặc dù tầng lớp trung lưu rất lớn và được giáo dục tốt, thì Ấn Độ vẫn còn khắp khiếm khuyết trên nhiều phương diện, từ bộ máy quan liêu gây phiền nộ mà chần chừ cạnh tranh với tất cả những đối thủ khác về khả năng bóp nghẹt bất kỳ việc gì với thủ tục rườm rà, đến cơ sở hạ tầng nghèo nàn đến nỗi nếu bay thì trong khoảng cách vô cùng ngắn thậm chí là có ý nghĩa hơn so với gặp rủi ro trong ùn tắc giao thông vô tận bởi việc quay đầu của xe khi bị lạc đà hay bò chặn đường. Hơn nữa, tầng lớp dưới của Ấn Độ cũng rất lớn, trẻ tuổi và không được học hành đúng mức thường vẫn bị phân biệt đối xử dựa trên đẳng cấp và chưa bao giờ thực sự biến mất khỏi cấu trúc xã hội.

Những thách thức kinh tế mà các quốc gia châu Á phải đối mặt ngày nay, hoặc có khả năng phải đối mặt trong tương lai, chỉ tạo thành một trong bốn phương diện rủi

ro đan xen nhau mà Auslin phác thảo cho độc giả. Nhân khẩu học cũng đang có tác động không thuận lợi cho các quốc gia châu Á. Đối với một số quốc gia như Nhật Bản, dân số đang già hóa, nghiêm trọng hơn là do phụ nữ kết hôn muộn hơn hoặc không kết hôn. Auslin nhắc tới cuộc trò chuyện với một người phụ nữ bốn mươi tuổi tại quầy ăn trưa ở Tokyo, người phụ nữ đó nói với ông rằng nỗi sợ hãi lớn nhất của cô không phải là khủng bố hay nền kinh tế mà là đang già đi trong cô độc. Tuy nhiên, trong khi người phụ nữ có thể ít lo ngại hơn về nền kinh tế thì chính nền kinh tế đang phải trả giá cho phần lớn dân số là người cao tuổi, về vấn đề lương hưu và trợ cấp xã hội. Chính các quyền lợi này đang vắt kiệt ngân sách của Chính phủ Nhật Bản - và thực tế điều này cũng đang ngày càng tăng ở Hoa Kỳ - và hạn chế chi tiêu của Chính phủ trong những lĩnh vực khác cần thiết hơn.

Auslin cũng đề cập mở rộng tới những thách thức xã hội khác cho tương lai của Nhật Bản. Ông ghi nhận sự gia tăng về số lượng người Nhật Bản trẻ tuổi chỉ ở nhà, những người không tham gia vào thị trường lao động, và sự giảm sút số lượng sinh viên Nhật Bản du học. Chuyến thăm của ông đến nhà máy Toyota mang lại cho ông “tâm nhìn tệ hại không tưởng tượng được về tương lai Nhật Bản”. Khoa học người máy không chỉ là lĩnh vực mà Nhật Bản hy vọng sẽ duy trì vị thế là quốc gia dẫn đầu trên thế giới; đây cũng là phương tiện “chỉ đơn giản là đảm bảo sản xuất có thể tiếp tục”. Có chút ít nghi ngờ trong những tiến triển vừa nêu, một thực tế đặt ra những thách thức nghiêm trọng đối với tương lai kinh tế của Nhật Bản. Thủ tướng Nhật Bản S. Abe đang cố gắng có những bước đi đầu tiên để thu hút nhân công nước ngoài làm việc tại Nhật Bản, mặc dù về cơ bản vẫn là không cho họ

nhập cư vĩnh viễn. Những định kiến cũ như vậy thật khó bỏ.

Nhật Bản không phải là quốc gia duy nhất phải đối phó với các tác động kinh tế và xã hội của nhân khẩu học bất lợi. Một số nghiên cứu dự đoán rằng, dân số của Hàn Quốc sẽ giảm 80% trong suốt thế kỷ này. Hồng Kông, Singapore và Đài Loan cũng phải đối mặt với dân số giảm sút do tỷ lệ sinh thấp, và Đài Loan, giống như Hàn Quốc và Nhật Bản, bị cản trở do tinh thần chung là thiếu thiện chí chấp nhận những người nhập cư.

Đối với Ấn Độ và các nước ASEAN, ngoại trừ Singapore - một quốc gia ngoại lệ ở nhiều phương diện, chính nguồn dân số trẻ lại tạo ra thách thức và rủi ro lớn. Những người trẻ tuổi ít học có thể hỗ trợ cho các hoạt động có giá trị gia tăng thấp của những quốc gia này, chẳng hạn như nông nghiệp có công nghệ thấp, chế biến tài nguyên thiên nhiên, nhưng họ không thể đủ trải nghiệm để đột phá vào các ngành công nghiệp phức tạp hơn. Tuy nhiên, Ấn Độ và hầu hết các nước ASEAN chỉ đơn giản là không có và đang gặp rắc rối trong việc thiết lập hệ thống giáo dục, nền tảng cho đa số người trẻ để làm việc trong các lĩnh vực sản xuất hàng đầu và số ít hơn thì làm việc trong những lĩnh vực công nghệ cao. Auslin kể lại chuyến thăm của ông tới các trường đại học trong khu vực (lại một lần nữa, ngoại trừ Singapore). Ông nhận thấy thiếu nguồn lực một cách ghê gớm, mặc dù rất đông sinh viên. Ông cũng dành sự quan tâm đặc biệt cho việc phụ nữ ở Ấn Độ bị đối xử một cách tàn nhẫn với những cơn bùng phát và hiếp dâm tập thể quá thường xuyên thu hút sự chú ý của toàn thế giới. “Không có phong trào thực sự để giải phóng phụ nữ ở Ấn Độ”, ông than vãn.

Về mặt nhân khẩu học, chính Trung Quốc, cũng như trong tất cả các lĩnh vực

khác, là một thực thể riêng biệt. Chính sách một con kéo dài, đi kèm với mong muốn của nhiều gia đình là chắc chắn phải có con trai (và kéo theo là nạo những bào thai có giới tính nữ) đã khiến quốc gia này không chỉ phải đối mặt với vấn đề giảm về mặt nhân khẩu học mà còn vấn đề là nam giới sẽ đông hơn nữ giới rất nhiều. Ngoài ra, dòng chảy người nông thôn ra các thành phố lớn trong nước vẫn tiếp diễn nhanh chóng, nhiều người lao động gọi ký túc xá nhà máy là nhà của họ. Bệnh hô hấp, hậu quả từ việc chối cãi của Trung Quốc (cho đến gần đây), đối mặt với những hậu quả của ô nhiễm không khí, đã trở thành một trong những nguyên nhân gây tử vong hàng đầu trên toàn quốc. Việc thiếu kiểm soát trong các vấn đề môi trường khác, chẳng hạn như kiểm soát gom rác thải hóa học, cũng là nguyên nhân gây bệnh tật và tử vong.

Dân số đang già hóa lớn của Trung Quốc sẽ đòi hỏi một mạng lưới quốc gia an toàn mà vốn dĩ hầu như không tồn tại ngày nay, bởi vì cha mẹ của gia đình một con sẽ không có mạng lưới con cái hỗ trợ họ. Điều này sẽ tạo ra sức ép mới lên ngân sách trung ương và cấp tỉnh, tại thời điểm mà nhu cầu chung đòi hỏi cải thiện chương trình xã hội sẽ tiếp tục tăng cao. Sự gia tăng này, và tác động của phát triển đến sự ổn định xã hội, sẽ tiếp tục là mối lo lớn cho Đảng Cộng sản, một đảng phái luôn giữ mục tiêu chính từ trước đến nay là duy trì quyền lực.

Khi Auslin quay sang vấn đề ổn định chính trị, ông xác định rủi ro trong chính trị cũng tương đương, nếu không muốn nói là nghiêm trọng hơn, các vấn đề kinh tế và nhân khẩu học, một phần vì tất cả các vấn đề đều liên quan với nhau. Dù cho là gì đi nữa, Đảng Cộng sản Trung Quốc (CCP) đã và đang là lực lượng thống nhất vĩ đại của nước này. Tuy

nhiên, theo Auslin ghi nhận, “Sự thiếu tin tưởng giữa người dân và Nhà nước có lẽ là nguy cơ lớn nhất đối với việc tiếp tục lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc”. Thiếu cải cách chính trị ôn hòa khiến nguy cơ rối loạn lan tràn gia tăng; về vấn đề này, Auslin đề cập đến Cách mạng năm 1911. Có lẽ Auslin cũng đã trích dẫn cuộc nổi loạn Thái Bình Thiên Quốc thế kỷ XIX chống lại Triều đại nhà Thanh mà kết cục là lên đến bảy mươi triệu người chết. Vấn đề nan giải của Đảng Cộng sản Trung Quốc là từ chối cam kết về bất kỳ cải cách chính trị nghiêm túc nào - và ứng phó một cách tàn nhẫn với những người chống đối như sự kiện Quảng trường Thiên An Môn vào năm 1989 - điều này làm tăng khả năng nổi loạn và tình trạng bất ổn ở khu vực hoặc nổi loạn có thủ lĩnh quân phiệt vốn đã đánh dấu mốc cho lịch sử và của đất nước và là cơn ác mộng khủng khiếp nhất của đất nước.

Auslin quan sát thấy người dân Nhật Bản vừa bi quan về tương lai, vừa hoài nghi về chính trị. Không chỉ riêng người dân Nhật Bản cảm thấy như vậy, người dân thuộc các nước châu Âu cũng vậy, và họ đã thể hiện mình bằng cách xoay hướng tập trung vào các nhà lãnh đạo đã cam kết về dân chủ tự do một cách mơ hồ trong thời điểm tốt nhất. Auslin khẳng định rằng, các nhà lãnh đạo Nhật Bản “đã không mang lại cho người dân của mình một tầm nhìn thuyết phục về tương lai, bao gồm tình trạng kinh tế thịnh vượng được phục hồi và Nhật Bản sẽ giữ vai trò quan trọng trên trường quốc tế”. Điều giống như thế có thể nói đối với châu Âu đang trong tình trạng tồi tệ bị bóp nghẹt. Tương tự, điều gây tranh cãi là dân số Hàn Quốc có thể đang có cùng xu hướng bi quan: Chắc chắn là vụ bê bối gần đây nhất khiến họ có lý do chính đáng để nghi như

vậy. Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên có thể cố gắng gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị, như đã từng làm trước đây, để tạo ra một mối nguy hiểm duy nhất cho Hàn Quốc, điều đó chỉ làm cho bầu không khí chính trị vốn căng thẳng trở nên trầm trọng thêm.

Các nước ASEAN vốn là chủ đề trọng tâm chính của Auslin lại có rất ít hy vọng - một lần nữa, có thể ngoại trừ Singapore. Mặc dù ông thẳng thắn ghi nhận rằng những hạn chế của Singapore về tự do ngôn luận và kiểm chế phương tiện truyền thông có thể dẫn đến tình trạng bất ổn chung, thì ông cũng thừa nhận rằng trường hợp này không còn đúng với ngày nay. Thật vậy, điều đáng tranh cãi là nền kinh tế và mạng an sinh xã hội mạnh của Singapore cũng như sự quan tâm hết sức chu đáo đến người Mã Lai, Ấn Độ và các dân tộc thiểu số khác, tất cả đều có lợi cho sự ổn định trong tương lai gần.

Các nước ASEAN khác có thể không may mắn như vậy. Indonesia hiện đang tương đối yên tĩnh, nhưng đã từng phải đối mặt với cuộc nổi dậy trong quá khứ, đặc biệt là ở Aceh, cũng như tình trạng căng thẳng tôn giáo và bạo lực, đặc biệt là ở Nam Sulawesi (đáng ngạc nhiên là Auslin không đề cập đến cả hai nơi này). Là một quốc gia Hồi giáo ôn hòa, Indonesia liên tiếp phải đối mặt với mối đe dọa của chủ nghĩa tôn giáo cực đoan. Malaysia thậm chí còn ổn định hơn Indonesia, một phần là do Chính phủ bảo vệ người dân gốc Hoa. Người dân gốc Hoa đã trở thành đối tượng của những cuộc tàn sát trong quá khứ ở cả Indonesia và Malaysia, tuy nhiên những cuộc tàn sát đó có thể bùng phát trở lại. Hơn nữa, Malaysia cũng đang bị nạn tham nhũng và đấu đá chính trị nội bộ. Myanmar thì vẫn chưa thỏa hiệp xong với bộ phận Rohingya của mình, và số dân này vẫn

tiếp tục khủng bố (thậm chí ngay cả người hùng như Aung San Suu Kyi cũng hầu như im lặng), trong khi đó Việt Nam, Lào và Campuchia vẫn đang trong chế độ lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Tiếp đến là Thailand, đã từng bị tàn phá bởi bạo lực ở miền Nam và bất ổn chính trị ở thủ đô, giờ đây lại thiếu vắng sự hiện diện thống nhất của người trị vì lâu nay là Vua Bhumibol Adulyadej. Con trai và là người kế nhiệm của ông, Vajiralongkorn, một gương mặt lập dị có con chó được thăng cấp lên tướng ba sao; Vajiralongkorn sẽ khó có được sự tôn trọng mà cha mình đã có.

Về vấn đề thiếu cộng đồng chính trị của khu vực, trước tiên, Auslin đề cập đến việc thiếu các tổ chức thống nhất của khu vực, chẳng hạn giống như NATO hay EU, và thiếu vắng nhà lãnh đạo, ngoại trừ Trung Quốc, các nước láng giềng của Trung Quốc lo sợ hơn là tuân theo. Auslin không đề cập đến việc đã từng có một liên minh khu vực, SEATO - Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á, bao gồm Hoa Kỳ, Australia, Pháp, New Zealand, Pakistan (bao gồm cả Đông Pakistan, hiện là Bangladesh), Philippines, Thailand và Vương quốc Anh. Tổ chức được thành lập nhờ sáng kiến của Hoa Kỳ mà đại diện là Ngoại trưởng Hoa Kỳ John Foster Dulles và các quốc gia thành viên khác từ bên ngoài nhiều hơn là bên trong khu vực Đông Nam Á. Là một tổ chức quân sự, nhưng SEATO không bao giờ tập hợp đủ nhiều; các quốc gia thành viên góp không đủ nguồn lực quân sự hoặc các nguồn lực khác để nâng cao mức tín nhiệm cho tổ chức. Pháp và Anh từ chối cho phép SEATO hỗ trợ can thiệp từ Mỹ tại Lào vào năm 1962, và ngăn chặn SEATO là nơi ẩn nấp chính trị cho chiến tranh tại Việt Nam. Pakistan rút lui khỏi SEATO vào năm 1972, sau khi mất Đông Pakistan vào năm 1971 trong xung đột với Ấn Độ.

Pháp ngừng cung cấp tài chính vào năm 1975, và tổ chức này đã ngừng hoạt động không lâu sau đó.

Cho dù chỉ số ít nhà phân tích và hầu như không có nhà chính trị nào, ngày nay, đề cập đến sự tồn tại của SEATO, nhưng điều vẫn gây tranh cãi là về sự sụp đổ của SEATO: lý do tại sao các quốc gia Đông Á tránh xa tổ chức này. Thất bại của Hoa Kỳ ở Việt Nam có thể đưa ra một lý do khác để đối phó một cách thận trọng với phương Tây. Và việc Trung Quốc nổi lên đã khiến nhiều nước láng giềng tạo cân bằng trong thỏa hiệp với Bắc Kinh và mối quan hệ ngày càng thân thiết - nhưng không chặt chẽ - với Hoa Kỳ mà không cần ký kết các hiệp ước chính thức với Washington. Thật vậy, các liên minh chính thức đã không ngăn chặn cả Thailand và đặc biệt là Philippines đứng tách biệt khỏi Hoa Kỳ; Hiệp ước Hoa Kỳ - Philippines năm 1951 đã không ngăn Manila đóng cửa căn cứ hải quân Mỹ tại Vịnh Subic và Căn cứ Không quân Clark trong bốn thập kỷ sau đó.

Mười quốc gia Đông Nam Á tạo nên Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á, hay ASEAN, tổ chức hoạt động theo đồng thuận, và vì các thành viên khác biệt nhiều nên thường gặp khó khăn khi thống nhất quan điểm về vấn đề liên quan đến một hoặc nhiều quốc gia thành viên. Trong những năm gần đây, Diễn đàn Khu vực ASEAN, trong đó bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Australia, Canada, Nga và Hoa Kỳ cũng như nhiều thành viên khác, đã có tầm quan trọng nhất định vì là nơi gặp gỡ thảo luận về các vấn đề an ninh. Các cuộc thảo luận cấp hội nghị thượng đỉnh gần đây tại Diễn đàn ASEAN+3 - cùng Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc - đã cung cấp phương tiện cho hầu hết các quốc gia Đông Á hàng đầu (không phải tất cả trong số đó, theo Auslin khẳng định, vì Papua

New Guinea và Đông Timor chưa phải là thành viên của ASEAN), thảo luận về các vấn đề cùng quan tâm. Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á, bao gồm ASEAN+3, cộng thêm Ấn Độ, Australia, New Zealand, Hoa Kỳ và Nga, đã có phương tiện thảo luận tương tự. Động từ đặc trưng cho tất cả các cuộc họp này là “thảo luận”; trên thực tế, tất cả đều chỉ nhỉnh hơn diễn đàn trao đổi một chút.

Auslin khép lại phân tích của mình qua đánh giá tổng quan về tình trạng căng thẳng có thể gây ra chiến tranh cho Đông Á. Ông đánh giá những tuyên bố đầy tranh cãi được ghi chép đầy đủ về chủ quyền trên quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của biển Đông, tuyên bố về đường chín đoạn không rõ ràng của Trung Quốc trên hầu như toàn bộ vùng biển, tăng cường quân sự liên tục trên vùng đá tự nhiên hay nhân tạo của biển và chiếm đoạt thực sự Bãi cạn Scarborough từ Philippines. Ông cũng mô tả những căng thẳng ở biển Đông trên quần đảo Senkaku thuộc quản lý của Nhật Bản (mà Trung Quốc gọi là Điếu Ngư); tranh chấp Đảo Kuril giữa Nhật Bản và Nga có từ những ngày cuối của Thế chiến II; và tranh chấp của Nhật Bản với Hàn Quốc về những gì người Nhật gọi là Quần đảo Takeshima và người Hàn lại gọi là Quần đảo Dokdo.

Mặc dù Nhật Bản tham gia vào cả ba vụ tranh chấp nói trên, nhưng không có dự đoán nào về việc sẽ dẫn đến chiến tranh để giải quyết bất kỳ tranh chấp ở trên. Trung Quốc lại là vấn đề khác. Auslin ghi nhận sức mạnh quân sự đang ngày càng tăng của Trung Quốc - chiến lược hạt nhân, hải quân, không quân và không gian mạng. Bắc Kinh không do dự gồng lên hết sức nhằm giấu võ giương oai. Để đối phó với việc ông D. Trump ve vãn lộ liễu với Đài Loan, Trung Quốc đã gửi tàu sân bay Liêu

Ninh qua Eo biển Đài Loan, buộc Đài Bắc cho máy bay cất cánh đột ngột để phản ứng. Auslin tuyên bố rằng Trung Quốc không muốn chiến tranh, nhưng ông cũng nói thêm, “Bắc Kinh hành động như một nhân tố đầy thách thức đang phát triển hoàn hảo với hiện trạng”. Chuyến đi đến Liêu Ninh càng cho thấy rõ quan điểm của ông. Hai thập kỷ trước, hai tàu sân bay của Hoa Kỳ đi vào Eo biển Đài Loan để phản ứng việc Bắc Kinh phóng tên lửa gần các cảng Đài Loan là Keelung và Kaohsiung, và để chứng minh rằng Trung Quốc không thể ngăn chặn Hoa Kỳ đến viện trợ Đài Loan. Giờ đây chính Trung Quốc lại chứng minh rằng mình cũng có thể triển khai tàu sân bay đến Eo biển Đài Loan và có khả năng phủ nhận quyền tiếp cận Eo biển này của lực lượng Hoa Kỳ.

Mặc dù ghi nhận mối đe dọa liên tiếp về sự xâm lược của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, đặc biệt là khi tìm cách kết hợp vũ khí hạt nhân với tên lửa tầm xa, Auslin đã nhìn thấy “vực thẳm lớn và ngày càng tăng giữa Trung Quốc và các nước láng giềng” là yếu tố gây mất ổn định chính của khu vực. Cho dù ông có nói đúng về lực hấp dẫn tương đối trong các mối đe dọa đến từ Bình Nhưỡng và Bắc Kinh hay không, thì chắc chắn là Auslin đã chính xác trong việc ghi nhận những thay đổi cơ bản nhằm tạo sự cân bằng trong khu vực do Trung Quốc tăng cường quân sự.

Auslin kết luận nghiên cứu của mình bằng lập luận rằng, mối nguy hiểm lớn nhất trong thời gian tới cho tình trạng ổn định của châu Á nằm trong lĩnh vực an ninh: “Điều chúng tôi phải lo lắng nhất là gần như tất cả... rủi ro bảo mật... liên quan đến một hoặc nhiều cường quốc trong khu vực, bao gồm Hoa Kỳ. Điều đó tạo ra tiềm năng cho một cuộc đối đầu lớn hơn”. Căn

cứ vào việc khu vực không có khả năng tự tổ chức an ninh theo bất kỳ cách thức có ý nghĩa nào, Auslin trông chờ Hoa Kỳ trở thành chỗ neo dựa cho sự ổn định của khu vực, như Hoa Kỳ đã làm như thế kể từ Thế chiến II.

Để hoạt động hiệu quả trong thế kỷ XXI, Auslin kêu gọi Hoa Kỳ nuôi dưỡng bộ “tam giác đồng tâm”, tam giác bên ngoài bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Australia, và tam giác bên trong kết nối Ấn Độ, Malaysia, Philippines và Singapore, có Thailand tham gia và tiếp cận đến Việt Nam. Washington sẽ là chất xúc tác, không chỉ khuyến khích hợp tác quân sự mà còn tạo ra “một Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do hơn nhằm tạo sự ổn định và cơ hội cho phát triển”. Đó là một giấc mơ đáng cân nhắc, nhưng không dễ được nhận ra.

Ông D. Trump đắc cử vào Nhà Trắng đã phủ bóng đen lên tất cả các liên minh của Mỹ. Đồng thời, các nước nhỏ ở châu Á tiếp tục, với mức độ thận trọng cao, giữ cân bằng trong các mối quan hệ với Bắc Kinh và Washington, và thậm chí có thể là công bằng hơn nếu D. Trump thực hiện tốt một số lời hứa của mình, mà ông đã bắt đầu thực hiện bằng loại bỏ TPP. Trong bất kỳ trường hợp nào, rất khó nhìn nhận rằng Mỹ sẽ giữ vai trò của nhà hoạt động tích cực tràn đầy sinh lực gần đây ở châu Á, trừ trong lĩnh vực quân sự: Ông D. Trump đã hứa hẹn tăng cường trong lĩnh vực quân sự, nếu thực hiện sẽ dẫn đến sự hiện diện quân sự uy lực hơn của Mỹ ở châu Á. Chắc chắn, những hy vọng của Auslin về việc Washington làm việc với các quốc gia có nền dân chủ tự do khác nhằm truyền bá các giá trị dân chủ và tự do ở châu Á cần phải được duy trì trong ít nhất là vài năm ông D. Trump đã cho thấy rõ là ông không quan tâm đến việc thúc đẩy dân chủ.

Cuốn sách *Kết thúc thế kỷ của châu Á* có chút thiếu sót: Đánh giá khá sơ sài về những thách thức mà một số các quốc gia ASEAN nghèo hơn phải đối mặt; ít sự cố, chẳng hạn như tham chiếu đến Sir Stamford Raffles của Singapore (không phải là Stanford); tuyên bố rằng tất cả các thành viên của NATO đều là các nền dân chủ (Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha là các chế độ độc tài cho đến giữa những năm 1970); đề cập đến triều đại Gandhi (đó là triều đại của Jawarhalal Nehru; và

trích dẫn Argentina là đất nước của tương lai (trên thực tế, “Brazil là đất nước của tương lai, và sẽ luôn luôn như vậy”). Nhưng những lỗi này, và một số lỗi khác tương tự, chắc chắn không làm giảm đi tầm quan trọng của nghiên cứu. Vì những gì Auslin đã cho chúng ta thấy là: hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở châu Á không thể được xem là đương nhiên. Đó phải là lời cảnh báo - và một khẩu hiệu - cho chính quyền Trump □

(tiếp theo trang 8)

Tài liệu tham khảo

1. Bertalanffy và cộng sự (1968), *General systems theory: Foundation, development, applications*, Penguin Books, England.
2. Trần Thái Dương (2006), “Suy nghĩ về hệ thống chính trị - xã hội ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Khoa học Pháp lý*, số 2.
3. George Ritzer (1992), *Contemporary sociological theory*, Third Edition. Mc Graw- Hill, Inc, New York .
4. Tô Duy Hợp (1996), “Đặc điểm tiếp cận hệ thống trong xã hội học”, Tạp chí *Xã hội học*, số 4.
5. Tô Duy Hợp (2001), “Lý thuyết hệ thống - Nguyên lý và vận dụng”, Tạp chí *Triết học*, số 9.
6. Tô Duy Hợp và cộng sự (2005), “Tổng quan tài liệu sẵn có về chính trị và hệ thống chính trị ở Việt Nam thời kỳ đổi mới”, Báo cáo chuyên đề thuộc Chương trình KX.10 (Ban Tổ chức Trung ương).
7. Lê Ngọc Hùng (2015), *Hệ thống, cấu trúc và phân hóa xã hội*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Lê Quốc Lý (2014), *Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Lê Hữu Nghĩa (2013), “Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 1.
10. T. Parsons (1951), *The Social System*, Glencoe Press, Illinois.
11. Hoàng Tụy (1987), *Phân tích hệ thống và ứng dụng*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.